



BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH - QUẢN TRỊ KINH DOANH

Phòng thi: 1
Giảng đường: A5_CS2

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K11 THI HẾT HỌC PHẦN KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025

Học phần: Tài chính hành chính sự nghiệp

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số Kỳ nộp	Ghi chú
1	000001	1101020973	Nguyễn Thị	Hoài	28/07/2004	KD10G	01	152	4,0	1	Hoài Lê
2	000002	1101020003	Đặng Phương	Anh	31/01/2005	KD11A	01	153	2,0	1	Anh Phan
3	000003	1101020913	Đỗ Vũ Quỳnh	Anh	23/11/2005	KD11A	01	154	9,5	1	Anh Phan
4	000004	1001020038	Nguyễn Hữu	Anh	28/02/2004	KD11A	01	155	3,8	1	Anh Phan
5	000005	1101020018	Nguyễn Nhật	Anh	26/08/2005	KD11A	01	156	3,8	1	Anh Phan
6	000006	1101020023	Nguyễn Thị Lan	Anh	11/01/2005	KD11A	01	157	5,3	1	Anh Phan
7	000007	1101020044	Phạm Thanh	Bình	19/01/2005	KD11A	01	158	5,3	1	Bình Phan
8	000008	1101020050	Đỗ Quyết	Chiến	15/06/2005	KD11A	01	159	5,0	1	Chiến Phan
9	000009	1101020934	Phạm Thị Tuyết	Chinh	02/09/2005	KD11A	01	160	5,8	1	Chinh Phan
10	000010	1101020064	Cầm Minh	Đức	13/12/2005	KD11A	01	161	6,5	1	Đức Phan
11	000011	1101020069	Nguyễn Thị Thủy	Dương	21/01/2003	KD11A	01	162	5,0	1	Dương Phan
12	000012	1101020944	Lê Thị	Duyên	05/04/2005	KD11A	01	163	4,3	1	Duyên Phan
13	000013	1101020081	Cao Thị Thu	Hà	08/02/2005	KD11A	01	164	5,5	1	Hà Phan
14	000014	1101020393	Lê Thị Thu	Hà	21/11/2005	KD11A	01	165	6,3	1	Hà Phan
15	000015	1101020086	Tô Thu	Hà	18/03/2005	KD11A	01	166	3,8	1	Hà Phan
16	000016	1101020953	Mai Thị Thanh	Hằng	06/02/2005	KD11A	01	167	5,8	1	Hằng Phan
17	000017	1101020095	Phan Thị	Hiên	05/10/2005	KD11A	01	168	7,5	1	Hiên Phan
18	000018	1101020097	Nguyễn Thị	Hiên	08/11/2005	KD11A	01	169	2,8	1	Hiên Phan
19	000019	1101020963	Vũ Thanh	Hoa	21/11/2005	KD11A	01	170	5,0	1	Hoa Phan
20	000020	1101021358	Hoàng Phi	Hùng	17/07/2003	KD11A	01	171	5,3	1	Hùng Phan
21	000021	1101020969	Nguyễn Lan	Hương	19/04/2005	KD11A	01	172	6,3	1	Hương Phan
22	000022	1001020980	Nguyễn Thị Lan	Hương	30/12/2004	KD11A	01	173	1,8	1	Hương Phan
23	000023	1101020115	Phùng Thị	Hương	07/05/2005	KD11A	01	174	6,5	1	Hương Phan
24	000024	1101020972	Đào Thị Thanh	Huyền	16/09/2005	KD11A	01	175	6,0	1	Huyền Phan
25	000025	0810211730	Nguyễn Văn	Khai	18/10/2002	KD11A	01	176	7,8	1	Khai Phan
26	000026	1101020587	Nguyễn Thị Quỳnh	Liên	12/09/2005	KD11A	01	177	4,8	1	Liên Phan
27	000027	1101020153	Ngô Phương	Linh	23/01/2005	KD11A	01	178	4,3	1	Linh Phan
28	000028	1101020986	Nguyễn Thị Khánh	Linh	23/04/2005	KD11A	01	179	7,8	1	Linh Phan
29	000029	1101020158	Nguyễn Thị Ngọc	Linh	26/01/2005	KD11A	01	180	4,3	1	Linh Phan
30	000030	1101021381	Phạm Thủy	Linh	03/10/2005	KD11A	01	181	7,3	1	Linh Phan
31	000031	1101020170	Nguyễn Minh	Loan	25/07/2005	KD11A	01	182	9,5	1	Loan Phan
32	000032	1101020621	Đỗ Thị Tuyết	Mai	26/11/2005	KD11A	01	183	4,8	1	Mai Phan

Tổng số sinh viên dự thi: 32
TỔNG SỐ TỜ GIẤY THI: 32
TỔNG SỐ BIÊN BẢN: 1

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Ngày thi: 06. Tháng 10. Năm 2025



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K11 THI HẾT HỌC PHẦN KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025

Học phần: Tài chính hành chính sự nghiệp

Phòng thí: 2

Giảng đường: A6_CS2

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số Kỳ nộp	Ghi chú
-----	-----	-------	--------	-----	-----------	-----	--------	-------	----------	-----------	---------

1	000033	1101020997	Trần Nguyễn Thảo My	My	28/08/2005	KD11A	01	1	5,3	01	Điểm
2	000034	1101021006	Phạm Thị Ngân	Ngân	15/08/2003	KD11A	01	2	7,0	01	Điểm
3	000035	1101020206	Nguyễn Bích Ngọc	Ngọc	03/10/2005	KD11A	01	3	9,5	01	Điểm
4	000036	1101021338	Nguyễn Thị Hồng Ngọc	Ngọc	13/12/2005	KD11A	01	4	5,0	01	Điểm
5	000037	1001020243	Đỗ Quốc Oai	Oai	01/01/2004	KD11A	01	5	1,8	01	Điểm
6	000038	1101020244	Thái Minh Quân	Quân	09/02/2005	KD11A	01	6	6,0	01	Điểm
7	000039	1101021341	Lê Thị Như Quỳnh	Quỳnh	17/04/2005	KD11A	01	7	4,3	01	Điểm
8	000040	1101021031	Nguyễn Minh Tâm	Tâm	24/06/2005	KD11A	01				Điểm
9	000041	1101020262	Hoàng Minh Thảo	Thảo	27/09/2005	KD11A	01				Điểm
10	000042	1101020266	Nguyễn Phương Thảo	Thảo	11/02/2005	KD11A	01	8	8,5	01	Điểm
11	000043	1101020273	Đỗ Minh Thư	Thư	14/03/2005	KD11A	01	9	3,0	01	Điểm
12	000044	1101020277	Phạm Thị Thư	Thư	25/02/2005	KD11A	01	10	6,8	01	Điểm
13	000045	1101020284	Hoàng Thị Thủy	Thủy	03/11/2005	KD11A	01	11	9,5	01	Điểm
14	000046	1101021050	Đào Huyền Trang	Trang	03/06/2005	KD11A	01	12	9,3	01	Điểm
15	000047	1101020299	Nguyễn Mai Trang	Trang	26/03/2005	KD11A	01	13	3,8	01	Điểm
16	000048	1101020303	Nguyễn Thị Hà Trang	Trang	28/10/2005	KD11A	01	14	9,5	01	Điểm
17	000049	1101021055	Nguyễn Thị Huyền Trang	Trang	14/06/2005	KD11A	01	15	3,0	01	Điểm
18	000050	1101021059	Phùng Thủy Trang	Trang	30/07/2005	KD11A	01	16	5,8	01	Điểm
19	000051	1101021063	Nguyễn Duy Tuấn	Tuấn	03/05/2005	KD11A	01	17	4,5	01	Điểm
20	000052	1101020318	Cao Thị Thanh Tuyền	Tuyền	12/06/2005	KD11A	01	18	7,0	01	Điểm
21	000053	1101020322	Nguyễn Thái Văn	Văn	07/12/2005	KD11A	01	19	6,1	01	Điểm
22	000054	1101021070	Ngô Hải Yên	Yên	04/01/2005	KD11A	01	20	9,5	01	Điểm
23	000055	0901020161	Đinh Thị Trang	Trang	14/03/2003	KD9G	01	21	2,0	01	Điểm
24	000056	1001030539	Nguyễn Việt Hà	Hà	02/04/2004	QT10B	01	22	9,5	01	Điểm
25	000057	1001020335	Đinh Quang Vinh	Vinh	11/02/2004	KD10E	02				Điểm
26	000058	1001020022	Đỗ Văn Anh	Anh	23/12/2003	KD10H	02				Điểm
27	000059	1101020002	Bùi Quốc Anh	Anh	14/08/2005	KD11B	02	23	4,5	01	Điểm
28	000060	1101021260	Dương Phương Anh	Anh	10/12/2005	KD11B	02	24	6,5	01	Điểm
29	000061	1101021343	Nguyễn Quỳnh Anh	Anh	13/09/2005	KD11B	02	25	6,0	01	Điểm
30	000062	1001020936	Nguyễn Thị Văn Anh	Anh	18/12/2004	KD11B	02	26	5,0	01	Điểm
31	000063	1101020027	Phạm Lan Anh	Anh	16/04/2005	KD11B	02	27	5,5	01	Điểm
32	000064	1001020053	Tạ Tuấn Anh	Anh	28/08/2004	KD11B	02	28	4,8	01	Điểm

Tổng số sinh viên dự thi: 28.....
Tổng số tờ giấy thi: 28.....
Tổng số biên bản: 01.....

Ngày 27. tháng 06 năm 2025
Cán bộ coi thi 1
Cán bộ coi thi 2

Nguyễn T. Kim Bury

16.06.2025



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K11 THI HẾT HỌC PHẦN KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025

Học phần: Tài chính hành chính sự nghiệp

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số Kỳ nộp	Chi chú
1	000065	1001020059	Nguyễn Ngọc	Ánh	29/04/2004	KD11B	02	336	2,0	01	Ánh
2	000066	1001020069	Phạm Ngọc	Bích	11/08/2004	KD11B	02	337	3,3-3,5	01	Bích
3	000067	1101020058	Nguyễn Thị	Diễm	03/03/2005	KD11B	02	338	4,0	01	Diễm
4	000068	1101020065	Nguyễn Hữu	Đức	29/06/2005	KD11B	02	339	4,8	01	Đức
5	000069	1101020070	Ninh Thị Thủy	Dương	25/05/2005	KD11B	02	340	4,0	01	Dương
6	000070	1101020071	Phạm Thị Thủy	Dương	05/12/2005	KD11B	02	341	0,8	01	Phạm
7	000071	1101020073	Bùi Vũ Thủy	Giang	19/08/2005	KD11B	02	342	3,0	01	Giang
8	000072	1101020535	Trần Thị Hương	Giang	02/01/2005	KD11B	02	343	4,3	01	Giang
9	000073	1101020080	Vũ Thị	Giang	23/05/2005	KD11B	02	344	5,0	01	Giang
10	000074	1101020087	Trần Thu	Hà	14/05/2005	KD11B	02	345	4,3	01	Hà
11	000075	1101020100	Nguyễn Thị	Hoa	22/09/2005	KD11B	02	346	5,0	01	Hoa
12	000076	1101020562	Phùng Tuấn	Hùng	01/06/2005	KD11B	02	347	3,5	01	Hùng
13	000077	1101020968	Đỗ Thị Lan	Hương	12/03/2005	KD11B	02	348	5,0	01	Hương
14	000078	1101020116	Đỗ Thanh	Huyền	10/10/2005	KD11B	02	349	3,3	01	Huyền
15	000079	1101021281	Nguyễn Thị Minh	Huyền	21/05/2005	KD11B	02	350	4,8	01	Huyền
16	000080	1101020132	Đỗ Ngọc	Lan	03/08/2005	KD11B	02	351	4,8	01	Lan
17	000081	1101020980	Trần Thị Phương	Liên	23/10/2005	KD11B	02	352	6,3	01	Liên
18	000082	1101020149	Lương Thị Ngọc	Linh	22/08/2005	KD11B	02	353	5,8	01	Linh
19	000083	1101020984	Nguyễn Khánh	Linh	20/03/2005	KD11B	02	354	2,0	01	Linh
20	000084	1101020160	Nguyễn Thủy	Linh	17/12/2005	KD11B	02	355	3,8	01	Linh
21	000085	1101020171	Nguyễn Thị Phương Loan	Ly	03/07/2005	KD11B	02	356	4,0	01	Loan
22	000086	1101021337	Phùng Thị Hải	Ly	24/03/2005	KD11B	02	357	8,5	01	Ly
23	000087	1101021336	Bùi Thanh	Mai	16/02/2005	KD11B	02	358	5,3	01	Mai
24	000088	1101021349	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	09/02/2005	KD11B	02	359	4,5	01	Mai
25	000089	1101020185	Nguyễn Tuyết	Mai	10/12/2005	KD11B	02	360	3,5	01	Mai
26	000090	1101021000	Phạm Phương	Nam	08/11/2005	KD11B	02	361	5,8	01	Nam
27	000091	1101020202	Nguyễn Thị Hồng	Ngát	26/06/2005	KD11B	02	362	2,5	01	Ngát
28	000092	1101020413	Nguyễn Thị Khánh	Ngọc	19/03/2005	KD11B	02	363	6,5	01	Ngọc
29	000093	1001021556	Chu Yên	Nhi	04/08/2004	KD11B	02	364	2,3	01	Nhi
30	000094	1101020878	Đỗ Trang	Nhung	10/06/2005	KD11B	02	365	4,3	01	Nhung
31	000095	1101020226	Nguyễn Cẩm	Nhung	02/11/2005	KD11B	02	366	2,0	01	Nhung
32	000096	1101020667	Lê Thanh	Phúc	03/05/2005	KD11B	02	367	6,3	01	Phúc

Tổng số sinh viên dự thi: 32

Tổng số tờ giấy thi: 32

Tổng số biên bản: 01

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Ngày KT. tháng. năm 2025

Le Thị Thanh

Le Thị Thanh



90 - 120

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K11 THI HẾT HỌC PHẦN KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025

Học phần: Tài chính hành chính sự nghiệp

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số Kỳ nộp	Ghi chú
1	000097	1101020232	Bùi Thu	Phong	12/06/2005	KD11B	02	97	2,5	1	Phụ
2	000098	1101020241	Trần Thị Hoài	Phong	28/07/2005	KD11B	02	91	4,3	1	Phụ
3	000099	1101020251	Nguyễn Như	Quỳnh	02/05/2005	KD11B	02	92	4,0	1	Phụ
4	000100	1101020256	Nguyễn Thị Thanh	Tâm	30/09/2005	KD11B	02	93	3,3	1	Tâm
5	000101	1101021033	Hoàng Thị Phương	Thảo	29/05/2005	KD11B	02	94	4,5	1	Thảo
6	000102	1101021396	Nguyễn Thị	Thảo	03/02/2005	KD11B	02	95	6,3	1	Thảo
7	000103	1101020271	Vũ Thị Ngọc	Thu	19/10/2005	KD11B	02	96	3,8	1	Thu
8	000104	1101020278	Phạm Thị Minh	Thu	24/04/2005	KD11B	02	97	0,8	1	Thu
9	000105	1101020285	Lê Thị Phương	Thùy	14/03/2005	KD11B	02	98	8,3	1	Thùy
10	000106	1101020290	Lê Thị Thủy	Tinh	23/10/2005	KD11B	02	99	8,3	1	Tinh
11	000107	1101020300	Nguyễn Quỳnh	Trang	10/03/2005	KD11B	02	100	6,8	1	Trang
12	000108	1101020305	Nguyễn Thị Thu	Trang	02/07/2005	KD11B	02	101	6,0	1	Trang
13	000109	1101020309	Trần Huyền	Trang	15/08/2005	KD11B	02	102	4,3	1	Trang
14	000110	1101020315	Nguyễn Việt	Tuân	20/01/2005	KD11B	02	103	5,0	1	Tuân
15	000111	1101021066	Phạm Ngọc	Vì	04/10/2004	KD11B	02	104	4,0	1	Vì
16	000112	1101020748	Nguyễn Quang	Vinh	13/03/2004	KD11B	02	105	4,8	1	Vinh
17	000113	1101020331	Bùi Thị	Yên	11/01/2005	KD11B	02	106	2,8	1	Yên
18	000114	1001020233	Nguyễn Yên	Nhi	28/11/2004	KD10D	03				HP, DK
19	000115	1001021439	Nguyễn Thạch	Thảo	03/07/2004	KD10D	03	107	5,5	1	Thảo
20	000116	1001020485	Nông Thị Thục	Anh	23/08/2004	KD10G	03	108	5,5	1	Anh
21	000117	1001020157	Trần Thanh	Lâm	05/05/2004	KD10G	03	109	3,5	1	Lâm
22	000118	1001020926	Phạm Thị Thủy	An	11/11/2004	KD11C	03	110	3,3	1	An
23	000119	1101021258	Đặng Trần Tuấn	Anh	20/01/2005	KD11C	03	111	5,3	1	Anh
24	000120	1101020013	Hoàng Thị Lan	Anh	24/09/2005	KD11C	03	112	8,8	1	Anh
25	000121	1101020014	Nghiêm Thị Quỳnh	Anh	15/06/2005	KD11C	03	113	2,5	1	Anh
26	000122	1101020022	Nguyễn Thị Hải	Anh	02/06/2005	KD11C	03	114	6,0	1	Hải
27	000123	1101020026	Phạm Hoàng Hà	Anh	08/07/2005	KD11C	03	115	4,5	1	Hà
28	000124	1101020032	Trương Thị Mai	Anh	11/09/2005	KD11C	03	116	6,0	1	Trương
29	000125	1101020034	Vũ Thị Hồng	Anh	10/09/2005	KD11C	03	117	4,5	1	Anh
30	000126	1101020927	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	10/04/2005	KD11C	03	118	8,8	1	Anh
31	000127	1101020039	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	21/05/2005	KD11C	03	119	4,5	1	Anh
32	000128	1101020041	Phạm Ngọc	Anh	30/08/2005	KD11C	03	120	6,3	1	Anh

Tổng số sinh viên dự thi: 31
Tổng số tờ giấy thi: 31
Tổng số biên bản: 31

Cán bộ coi thi 1
Cán bộ coi thi 2

Ngày 27 tháng 06 năm 2025



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K11 THI HẾT HỌC PHẦN KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025

Học phần: Tài chính hành chính sự nghiệp

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000129	1101021413	Đặng Thị Linh	Chị	04/01/2005	KD11C	03	59	8,5	1	Chị Lê	
2	000130	1101020054	Nguyễn Thị Anh	Đào	02/01/2005	KD11C	03	60	4,0	1	Đào Đào	
3	000131	1101020066	Nguyễn Thanh	Dung	31/12/2005	KD11C	03	61	5,5	1	Dung Dung	
4	000132	1101020941	Trịnh Công	Dương	23/11/2005	KD11C	03	62	Khủng	1	Dương Dương	
5	000133	1101020075	Đào Thị Hương	Giang	21/07/2005	KD11C	03	63	5,3	1	Giang Giang	
6	000134	1101020948	Lê Thị Thu	Hà	01/07/2005	KD11C	03	64	6,0	1	Hà Hà	
7	000135	1101020088	Trần Đình	Hải	09/03/2005	KD11C	03	65	5,5	1	Hải Hải	
8	000136	1101021452	Nguyễn Hồng	Hành	05/11/2004	KD11C	03	66	5,0	1	Hành Hành	
9	000137	1101020101	Nguyễn Thị Thanh	Hòa	18/04/2005	KD11C	03	67	3,0	1	Hòa Hòa	
10	000138	1101021342	Nguyễn Thanh	Hoài	19/08/2005	KD11C	03	68	6,8	1	Hoài Hoài	
11	000139	1101020112	Nguyễn Thị Thanh	Hương	21/09/2005	KD11C	03	69	2,5	1	Hương Hương	
12	000140	1101020126	Nguyễn Thị Ngọc	Huyền	13/04/2005	KD11C	03	70	5,0	1	Huyền Huyền	
13	000141	1101021402	Nguyễn Thị	Lan	31/12/2005	KD11C	03					HP,DK
14	000142	1101020593	Đoàn Phương	Linh	09/10/2005	KD11C	03	71	4,8	1	Linh Linh	
15	000143	1101020146	Lê Nguyễn Thủy	Linh	23/09/2005	KD11C	03	72	6,8	1	Linh Linh	
16	000144	1101020162	Phạm Thủy	Linh	07/03/2005	KD11C	03	73	3,3	1	Linh Linh	
17	000145	1101020164	Trần Phương	Linh	07/04/2005	KD11C	03	74	3,5	1	Linh Linh	
18	000146	1101020165	Vũ Hà	Linh	30/07/2005	KD11C	03	75	6,0	1	Linh Linh	
19	000147	1101020173	Trương Thị	Luyên	20/10/2005	KD11C	03	76	3,3	1	Luyên Luyên	
20	000148	1101020198	Trương Quỳnh	Nga	19/06/2005	KD11C	03	77	5,8	1	Nga Nga	
21	000149	1101020199	Lê Hồng	Ngân	11/07/2005	KD11C	03	78	3,8	1	Ngân Ngân	
22	000150	1101020203	Bùi Thị	Ngọc	15/09/2005	KD11C	03	79	3,8	1	Ngọc Ngọc	
23	000151	1101020208	Phạm Anh	Ngọc	25/11/2005	KD11C	03	80	4,5	1	Ngọc Ngọc	
24	000152	1101020216	Kiều Yên	Nhi	24/10/2005	KD11C	03	81	4,5	1	Nhi Nhi	
25	000153	1101021016	Nguyễn Hồng	Nhung	29/05/2005	KD11C	03	82	3,0	1	Nhung Nhung	
26	000154	1101021022	Chu Lan	Phuong	05/07/2005	KD11C	03	83	4,8	1	Phuong Phuong	
27	000155	1101021024	Trịnh Thu	Phuong	08/11/2005	KD11C	03	84	5,8	1	Phuong Phuong	
28	000156	1101020252	Nguyễn Thị	Quỳnh	29/04/2005	KD11C	03	85	4,8	1	Quỳnh Quỳnh	
29	000157	1101020259	Bùi Thị Phương	Thanh	23/11/2005	KD11C	03	86	4,5	1	Thanh Thanh	
30	000158	1101021034	Hoàng Thị Thu	Thảo	04/11/2005	KD11C	03	87	9,3	1	Thảo Thảo	
31	000159	1101020267	Nguyễn Thị Thu	Thảo	30/09/2005	KD11C	03	88	2,5	1	Thảo Thảo	
32	000160	1101020706	Cầm Văn	Thu	25/01/2005	KD11C	03	89	3,8	1	Thu Thu	

Tổng số sinh viên dự thi: 31
Tông số tờ giấy thi: 31
Tông số biên bản: 31

Ngày 27 tháng 6 năm 2025
Cán bộ coi thi 1
Cán bộ coi thi 2

Phạm Thị Hoàng
Luyện Thủy Dung



305 - 335

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K11 THI HẾT HỌC PHẦN KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025

Học phần: Tài chính hành chính sự nghiệp

Nhà

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số Kỳ nộp	Ghi chú
-----	-----	-------	--------	-----	-----------	-----	--------	-------	----------	-----------	---------

1	000161	1101020279	Lều Hồng	Thức	05/10/2005	KD11C	03	305	3,1	01	Thức
---	--------	------------	----------	------	------------	-------	----	-----	-----	----	------

2	000162	1101020286	Trần Phương	Thủy	20/01/2005	KD11C	03	306	5,8	01	Thủy
---	--------	------------	-------------	------	------------	-------	----	-----	-----	----	------

3	000163	1101020902	Đinh Thị Yên	Trang	29/01/2005	KD11C	03	307	5,0	01	Trang
---	--------	------------	--------------	-------	------------	-------	----	-----	-----	----	-------

4	000164	1101020301	Nguyễn Quỳnh	Trang	08/10/2005	KD11C	03	308	4,8	01	Trang
---	--------	------------	--------------	-------	------------	-------	----	-----	-----	----	-------

5	000165	1101020310	Trần Thị Huyền	Trang	30/08/2005	KD11C	03	309	6,5	01	Trang
---	--------	------------	----------------	-------	------------	-------	----	-----	-----	----	-------

6	000166	1101020317	Tô Anh	Tuấn	23/04/2004	KD11C	03	310	8,0	01	Tuấn
---	--------	------------	--------	------	------------	-------	----	-----	-----	----	------

7	000167	1101021067	Phạm Đức	Việt	22/08/2005	KD11C	03	311	4,5	01	Việt
---	--------	------------	----------	------	------------	-------	----	-----	-----	----	------

8	000168	1101020326	Nguyễn Hà	Vy	18/04/2005	KD11C	03	312	7,8	01	Vy
---	--------	------------	-----------	----	------------	-------	----	-----	-----	----	----

9	000169	0810210670	Trịnh Trọng	Đức	15/12/2002	KD8E	03	313	3,5	01	Đức
---	--------	------------	-------------	-----	------------	------	----	-----	-----	----	-----

10	000170	0901020757	Nguyễn Thu	Hằng	09/08/2003	KD9G	03	314	8,8	01	Thu
----	--------	------------	------------	------	------------	------	----	-----	-----	----	-----

11	000171	1101020005	Đào Ngọc	Anh	22/07/2005	KD11D	04	315	8,0	01	Anh
----	--------	------------	----------	-----	------------	-------	----	-----	-----	----	-----

12	000172	1101020012	Đông Mai	Anh	01/05/2003	KD11D	04	316	5,3	01	Anh
----	--------	------------	----------	-----	------------	-------	----	-----	-----	----	-----

13	000173	1101020015	Ngô Hoàng	Anh	16/10/2005	KD11D	04	317	9,5	01	Anh
----	--------	------------	-----------	-----	------------	-------	----	-----	-----	----	-----

14	000174	1101020024	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	30/01/2005	KD11D	04	318	5,0	01	Anh
----	--------	------------	-----------------	-----	------------	-------	----	-----	-----	----	-----

15	000175	1101020030	Trần Diệu	Anh	15/01/2005	KD11D	04	319	3,5	01	Anh
----	--------	------------	-----------	-----	------------	-------	----	-----	-----	----	-----

16	000176	1101020035	Vũ Thị Phương	Anh	16/07/2005	KD11D	04	320	6,3	01	Anh
----	--------	------------	---------------	-----	------------	-------	----	-----	-----	----	-----

17	000177	1101021328	Trần Quốc Việt	Bách	01/09/2002	KD11D	04	321	3,3	01	Bách
----	--------	------------	----------------	------	------------	-------	----	-----	-----	----	------

18	000178	1101020511	Lộc Thành	Đạt	13/09/2005	KD11D	04	322	6,8	01	Đạt
----	--------	------------	-----------	-----	------------	-------	----	-----	-----	----	-----

19	000179	1101020067	Đào Thị Thủy	Dương	22/12/2005	KD11D	04	323	6,5	01	Thủy
----	--------	------------	--------------	-------	------------	-------	----	-----	-----	----	------

20	000180	1101021346	Đặng Ngọc	Duy	11/11/2004	KD11D	04				HP
----	--------	------------	-----------	-----	------------	-------	----	--	--	--	----

21	000181	1101020076	Phạm Thị Hương	Giang	10/02/2005	KD11D	04	324	9,8	01	Giang
----	--------	------------	----------------	-------	------------	-------	----	-----	-----	----	-------

22	000182	1101021339	Lê Thị Thu	Hà	21/11/2005	KD11D	04	325	6,8	01	Hà
----	--------	------------	------------	----	------------	-------	----	-----	-----	----	----

23	000183	1101020809	Nguyễn Thu	Hà	14/01/2005	KD11D	04	326	9,5	01	Hà
----	--------	------------	------------	----	------------	-------	----	-----	-----	----	----

24	000184	1101020089	Trần Minh	Hải	12/10/2005	KD11D	04	327	6,0	01	Hải
----	--------	------------	-----------	-----	------------	-------	----	-----	-----	----	-----

25	000185	1101020093	Phạm Thu	Hằng	23/09/2005	KD11D	04	328	9,3	01	Hằng
----	--------	------------	----------	------	------------	-------	----	-----	-----	----	------

26	000186	1101021182	Nguyễn Như	Hanh	17/11/2005	KD11D	04	329	3,8	01	Hanh
----	--------	------------	------------	------	------------	-------	----	-----	-----	----	------

27	000187	1101020096	Đinh Thủy	Hiền	21/05/2005	KD11D	04	330	9,0	01	Hiền
----	--------	------------	-----------	------	------------	-------	----	-----	-----	----	------

28	000188	1101020959	Bùi Công	Hiếu	08/04/2005	KD11D	04	331	8,3	01	Hiếu
----	--------	------------	----------	------	------------	-------	----	-----	-----	----	------

29	000189	1101021443	Phạm Đức	Hiếu	02/08/2000	KD11D	04	332	5,3	01	Hiếu
----	--------	------------	----------	------	------------	-------	----	-----	-----	----	------

30	000190	1101020962	Nguyễn Quỳnh	Hoa	19/04/2005	KD11D	04	333	6,3	01	Hoa
----	--------	------------	--------------	-----	------------	-------	----	-----	-----	----	-----

31	000191	1101020108	Đinh Thủy	Hồng	05/11/2005	KD11D	04	334	3,3	01	Hồng
----	--------	------------	-----------	------	------------	-------	----	-----	-----	----	------

32	000192	1101021329	Phạm Thu	Hường	18/08/2000	KD11D	04	335	8,3	01	Hường
----	--------	------------	----------	-------	------------	-------	----	-----	-----	----	-------

Tổng số sinh viên dự thi: 31

Tổng số tờ giấy thi: 31

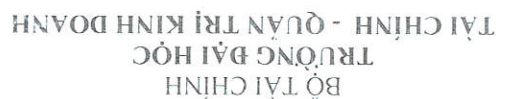
Tổng số biên bản: 0

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Ngày 27. tháng 6. Năm 2025

Vũ Thị Thu



Học phần: Tài chính hành chính sự nghiệp

274-309

Tổng số sinh viên dự thi: 3
Tổng số tờ giấy thi: 31
Tổng số biên bản: 2



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K11 THI HẾT HỌC PHẦN KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025

Học phần: Tài chính hành chính sự nghiệp

STT	SBD	Ma SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số Kỳ nộp	Ghi chú
1	000225	1101020324	Nguyễn Thị Hồng	Vinh	22/11/2005	KD11D	04	121	3,0	01	Vinh Lê
2	000226	1101021410	Đặng Thị	Yên	06/02/2003	KD11D	04	122	3,5	01	Yên Trần
3	000227	1101020333	Nguyễn Hải	Yên	29/06/2005	KD11D	04	123	5,5	01	Yên Lê
4	000228	0901020190	Võ Thúy	Trang	29/10/2003	KD9H	04	124	4,5	01	Trang Trần
5	000229	0901010899	Nguyễn Thị Huyền	Trang	18/11/2003	KD9N	04	125	6,8	01	Trang Lê
6	000230	1101020004	Đặng Thị Ngọc	Anh	23/08/2005	KD11E	05	126	2,8	01	Anh Trần
7	000231	1101020008	Đỗ Thị Mai	Anh	08/10/2005	KD11E	05	127	3,8	01	Anh Lê
8	000232	1101020016	Nguyễn Diệp	Anh	17/09/2005	KD11E	05	128	3,5	01	Anh Trần
9	000233	1101020019	Nguyễn Phương	Anh	06/11/2005	KD11E	05	129	1,8	01	Anh Lê
10	000234	1101020025	Nguyễn Văn	Anh	01/12/2005	KD11E	05	130	2,5	01	Anh Trần
11	000235	1101020921	Trần Hoài	Anh	17/12/2005	KD11E	05	131	2,5	01	Anh Lê
12	000236	1101020925	Lê Minh	Anh	07/05/2005	KD11E	05	132	4,5	01	Anh Trần
13	000237	1101020040	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	21/10/2005	KD11E	05	133	4,0	01	Anh Lê
14	000238	1101020043	Nguyễn Thanh	Bình	02/12/2005	KD11E	05	134	5,0	01	Bình Trần
15	000239	1101020053	Phùng Ngọc	Chúc	05/07/2005	KD11E	05	135	5,5	01	Chúc Lê
16	000240	1001021433	Đinh Thành	Bát	17/03/2004	KD11E	05				HP Vàng
17	000241	1101020059	Vương Thị	Diễn	19/08/2005	KD11E	05	136	4,0	01	Diễn Lê
18	000242	1101020061	Nguyễn Thị	Diệp	17/03/2005	KD11E	05	137	5,0	01	Diệp Trần
19	000243	1101021076	Lê Thúy	Dương	16/10/2005	KD11E	05	138	3,0	01	Dương Lê
20	000244	1101020072	Phạm Hải	Duy	22/11/2005	KD11E	05	139	5,0	01	Duy Trần
21	000245	1101020074	Đặng Trà	Giang	15/03/2005	KD11E	05	140	7,0	01	Giang Lê
22	000246	1001020101	Nguyễn Trà	Giang	26/02/2004	KD11E	05	141	4,5	01	Giang Trần
23	000247	1101020077	Phạm Thị Hương	Giang	18/08/2005	KD11E	05	142	4,0	01	Giang Lê
24	000248	1101020084	Phạm Thị Hồng	Hà	01/03/2005	KD11E	05	143	5,3	01	Hà Trần
25	000249	1101020090	Lê Nguyễn Minh	Hằng	01/10/2005	KD11E	05	144	4,8	01	Hằng Lê
26	000250	1101020957	Nguyễn Thị	Hào	16/07/2005	KD11E	05	145	7,5	01	Hào Trần
27	000251	1101020103	Đặng Thị	Hoàn	26/10/2004	KD11E	05	146	7,5	01	Hoàn Lê
28	000252	1101020970	Nguyễn Thị	Hương	25/10/2005	KD11E	05	147	7,0	01	Hương Trần
29	000253	1101020114	Phạm Thúy	Hương	02/10/2005	KD11E	05	148	7,0	01	Hương Lê
30	000254	1101020122	Nguyễn Ngọc	Huyền	22/04/2005	KD11E	05	149	6,3	01	Huyền Trần
31	000255	1101020129	Phạm Quốc	Khánh	02/09/2005	KD11E	05	150	1,8	01	Khánh Lê
32	000256	1101020976	Vũ Ngọc	Khánh	13/10/2005	KD11E	05	151	6,8	01	Khánh Trần

Tổng số sinh viên dự thi: 31

Tổng số tờ giấy thi: 31

Tổng số biên bản: 31

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Ngày 27 tháng 6 năm 2025



BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH - QUẢN TRỊ KINH DOANH

214 - 243

Phòng thi: 9
Giảng đường: A17-CS2

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K11 THI HẾT HỌC PHẦN KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025

Học phần: Tài chính hành chính sự nghiệp

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000257	1101020138	Và Thị	Lan	28/02/2005	KD11E	05	214	5,3	01	lan	le
2	000258	1101020979	Cà Nhật Minh A!	Lê	01/08/2005	KD11E	05	215	8,3	01	le	cham
3	000259	1101020148	Lương Hải Khánh	Linh	02/09/2005	KD11E	05	216	2,8	01	linh	le
4	000260	1101020156	Nguyễn Thị Hải	Linh	28/08/2005	KD11E	05	217	4,3	01	linh	cham
5	000261	1101020989	Và Thị Diệu	Linh	19/05/2005	KD11E	05					HP, DK
6	000262	1101020169	Đinh Thị Ngọc	Loan	03/08/2005	KD11E	05	218	1,5	01	loan	cham
7	000263	1101020175	Nguyễn Cẩm	Ly	01/07/2005	KD11E	05	219	6,8	01	ly	le
8	000264	1101030618	Vương Thị Diệu	Ly	11/12/2005	KD11E	05	220	4,5	01	ly	cham
9	000265	1101020182	Đỗ Ngọc	Mai	17/08/2005	KD11E	05	221	7,3	01	mai	le
10	000266	1101020995	Khổng Xuân	Mơ	10/05/2005	KD11E	05	222	6,3	01	mơ	cham
11	000267	1101021291	Nguyễn Thị	Nga	05/02/2004	KD11E	05	223	8,3	01	nga	le
12	000268	1101021132	Nguyễn Thị Thủy	Nga	14/01/2005	KD11E	05	224	6,8	01	nga	cham
13	000269	1101020205	Đỗ Lê Hoàng	Ngọc	19/02/2005	KD11E	05	225	6,5	01	ngoc	le
14	000270	1101021013	Lương Bảo	Ngọc	07/06/2005	KD11E	05	226	0,8	01	ngoc	HP, cham
15	000271	1101020210	Nguyễn Thị	Nguyễn	09/02/2005	KD11E	05	227	6,0	01	nguyen	le
16	000272	1101020218	Nguyễn Thị Yên	Nhi	26/10/2005	KD11E	05	228	7,8	01	nhi	cham
17	000273	1101021364	Phạm Hồng	Nhung	03/08/2005	KD11E	05	229	2,5	01	nhung	le
18	000274	1101020240	Phan Thị	Phuong	03/05/2005	KD11E	05	230	6,5	01	phuong	cham
19	000275	1101020249	Đỗ Thị Như	Quỳnh	22/04/2005	KD11E	05	231	6,0	01	quynh	le
20	000276	1101020254	Và Thị	Quỳnh	17/02/2005	KD11E	05	232	2,8	01	quynh	cham
21	000277	1101020260	Trương Kiều	Thanh	26/03/2005	KD11E	05	233	4,5	01	thanh	le
22	000278	1101020264	Nguyễn Phuong	Thảo	11/10/2005	KD11E	05	234	7,0	01	thao	cham
23	000279	1101020268	Nguyễn Vi	Thảo	10/01/2005	KD11E	05	235	4,5	01	thao	le
24	000280	1101020275	Lương Anh	Thư	01/07/2005	KD11E	05	236	7,8	01	thu	cham
25	000281	1101020282	Nông Hà	Thương	06/11/2005	KD11E	05	237	4,3	01	thuong	le
26	000282	1101021046	Nguyễn Thủy	Tiên	11/11/2005	KD11E	05	238	7,0	01	tien	cham
27	000283	1101021054	Nguyễn Thị	Trang	15/08/2005	KD11E	05	239	4,5	01	trang	le
28	000284	1101020308	Nguyễn Thủy	Trang	14/08/2005	KD11E	05	240	5,3	01	trang	cham
29	000285	1101021335	Lê Minh	Tu	22/10/2004	KD11E	05	241	5,5	01	tu	le
30	000286	1101020316	Phạm Minh	Tuân	08/09/2005	KD11E	05	242	5,0	01	tuân	cham
31	000287	1101020320	Đỗ Hồng	Vân	08/05/2005	KD11E	05	243	Một	01	vân	le

Tổng số sinh viên dự thi: 30.....
Tổng số tờ giấy thi: 30.....
Tổng số biên bản: 2.....

Ngày 27 tháng 06 năm 2025
Cán bộ coi thi 1
Cán bộ coi thi 2

Lương Thị Thủy
Nguyễn Thị Thủy
Thủy Anh



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K11 THI HẾT HỌC PHẦN KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025

Học phần: Tài chính hành chính sự nghiệp

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Giới tính	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số Kỵ nhập	Chú
1	000288	1101020325	Đỗ Quốc	Vương	24/09/2005	KD11E	Nam	05	244	4,3	01	Vương Văn
2	000289	1101021428	Triệu Thị Hà	Vy	24/10/2005	KD11E	Nữ	05	245	2,0	01	Vy Lê
3	000290	1101020334	Phạm Tiểu	Yên	24/10/2005	KD11E	Nữ	05	246	4,8	01	Yên Lê
4	000291	1101020011	Đỗ Văn	Anh	06/10/2005	KD11G	Nữ	06	247	3,3	01	Anh Lê
5	000292	1101020017	Nguyễn Kim Hoàng	Anh	18/08/2005	KD11G	Nữ	06	248	7,3	01	Anh Lê
6	000293	1101021352	Nguyễn Việt	Anh	26/04/2004	KD11G	Nam	06				Anh Lê
7	000294	1101020028	Phạm Phương	Anh	01/08/2005	KD11G	Nữ	06	249	2,8	1	Anh Lê
8	000295	1101020487	Phùng Thủy	Anh	15/02/2005	KD11G	Nữ	06	250	3,5	1	Anh Lê
9	000296	1101020777	Trần Thị Phương	Anh	28/07/2005	KD11G	Nữ	06	251	3,8	1	Anh Lê
10	000297	1101020045	Phạm Thanh	Bình	11/11/2005	KD11G	Nữ	06	252	4,0	1	Bình Lê
11	000298	1101020932	Đinh Thị	Châm	25/11/2005	KD11G	Nữ	06	253	4,0	1	Châm Lê
12	000299	1101020056	Đoàn Khắc	Đạt	27/06/2005	KD11G	Nam	06	254	3,5	1	Đạt Lê
13	000300	1101020062	Đỗ Thị Hồng	Doan	08/12/2005	KD11G	Nữ	06	255	5,3	1	Doan Lê
14	000301	1101020063	Lại Quang	Đồng	04/08/2005	KD11G	Nam	06	256	3,3	1	Đồng Lê
15	000302	1101020068	Nguyễn Tài	Dương	14/11/2005	KD11G	Nam	06	257	8,0	1	Dương Lê
16	000303	1101020943	Đỗ Thị Hồng	Duyên	22/02/2005	KD11G	Nữ	06	258	4,3	1	Duyên Lê
17	000304	1101020078	Phạm Thị Trà	Giang	08/04/2005	KD11G	Nữ	06	259	4,0	1	Giang Lê
18	000305	1101020083	Nguyễn Thị Thu	Hà	21/06/2005	KD11G	Nữ	06	260	5,5	1	Hà Lê
19	000306	1101020085	Phùng Hai	Hà	22/06/2005	KD11G	Nữ	06	261	6,0	1	Hà Lê
20	000307	1101020091	Lê Thị	Hằng	13/05/2005	KD11G	Nữ	06	262	3,5	1	Hằng Lê
21	000308	1101021334	Đinh Thu	Hiền	30/07/2005	KD11G	Nữ	06	263	4,3	1	Hiền Lê
22	000309	0901020198	Nguyễn Minh	Hiếu	08/11/2003	KD11G	Nam	06	264	1,5	1	Hiếu Lê
23	000310	1101020109	Tô Ánh	Hồng	09/09/2005	KD11G	Nữ	06	265	3,3	1	Hồng Lê
24	000311	1101020568	Trần Quang	Huy	13/04/2005	KD11G	Nam	06	266	4,0	1	Huy Lê
25	000312	1101020123	Nguyễn Ngọc	Huyền	30/07/2005	KD11G	Nữ	06	267	3,5	1	Huyền Lê
26	000313	1101020130	Phạm Thị	Khánh	01/11/2005	KD11G	Nữ	06	268	3,8	1	Khánh Lê
27	000314	1101020977	Trần Trung	Kiên	22/02/2005	KD11G	Nam	06	269	8,5	1	Kiên Lê
28	000315	1101021205	Phạm Thị Ngọc	Lan	04/05/2005	KD11G	Nữ	06	270	4,5	1	Lan Lê
29	000316	1101020139	Hoàng Thị	Lê	21/01/2005	KD11G	Nữ	06	271	5,0	1	Lê Lê
30	000317	1101020150	Lưu Thủy	Linh	02/01/2005	KD11G	Nữ	06	272	6,8	1	Linh Lê
31	000318	1101020166	Vũ Nguyễn Thủy	Linh	12/08/2005	KD11G	Nữ	06	273	4,6	1	Linh Lê

Tổng số sinh viên dự thi: 30
Tổng số tờ giấy thi: 30
Tổng số biên bản: 8

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Ngày 27 tháng 06 năm 2025

Bu Thị Yến

Nguyễn Thị Trúc



BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH - QUẢN TRỊ KINH DOANH

184-213

Phòng thi: 11
Giảng đường: B2_CS2

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K11 THI HẾT HỌC PHẦN KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025

Học phần: Tài chính hành chính sự nghiệp

Chữ ký

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số Kỳ nộp	Chữ ký
-----	-----	-------	--------	-----	-----------	-----	--------	-------	----------	-----------	--------

1	000319	1101020168	Vũ Thị Khánh	Linh	10/12/2005	KD11G	06	184	5,0	1	Linh Lê
2	000320	1101021345	Đỗ Thị Thanh	Loan	03/12/2005	KD11G	06	185	5,9	1	Loan Lê
3	000321	1101020172	Phạm Thị	Loan	05/02/2005	KD11G	06	186	6,5	1	Loan Lê
4	000322	1101020179	Bùi Ngọc	Mai	18/02/2005	KD11G	06	187	4,4	1	Mai Lê
5	000323	1101020197	Phạm Thị	Nga	01/02/2003	KD11G	06	188	5,3	1	Nga Lê
6	000324	1101021333	Nguyễn Hoàn	Ngọc	07/08/2005	KD11G	06	189	6,8	1	Ngọc Lê
7	000325	1101020207	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	08/11/2005	KD11G	06	190	5,5	1	Ngọc Lê
8	000326	1101020212	Bùi Thị	Nguyễn	06/07/2005	KD11G	06	191	6,9	1	Nguyễn Lê
9	000327	1101020221	Phạm Yên	Nhi	09/08/2005	KD11G	06	192	2,0	1	Nhi Lê
10	000328	1101020658	Lương Tâm	Như	12/09/2004	KD11G	06	193	6,8	1	Như Lê
11	000329	1101021019	Trần Hồng	Nhung	30/11/2005	KD11G	06	194	3,0	1	Nhung Lê
12	000330	1101020229	Nguyễn Thị	Oanh	16/10/2005	KD11G	06	195	6,3	1	Oanh Lê
13	000331	1101020236	Lý Thu	Phuong	28/07/2005	KD11G	06	196	3,5	1	Phu Lê
14	000332	1101021025	Vương Thị	Phuong	30/06/2005	KD11G	06	197	9,3	1	Phu Lê
15	000333	1101021029	Vũ Thị Như	Quỳnh	18/08/2005	KD11G	06	198	5,3	1	Quỳnh Lê
16	000334	1101020258	Bùi Phương	Thanh	26/06/2005	KD11G	06	199	4,3	1	Thanh Lê
17	000335	1101020894	Nguyễn Minh	Thanh	14/02/2005	KD11G	06	200	5,5	1	Thanh Lê
18	000336	1101020265	Nguyễn Phương	Thảo	27/07/2005	KD11G	06	201	5,3	1	Thảo Lê
19	000337	1101020276	Nguyễn Thị Anh	Thu	25/11/2005	KD11G	06	202	4,3	1	Thu Lê
20	000338	1101020364	Lê Tô	Trang	12/09/2005	KD11G	06	203	9,3	1	Trang Lê
21	000339	1101020297	Lục Hà	Trang	11/03/2005	KD11G	06	204	4,3	1	Trang Lê
22	000340	1101020304	Nguyễn Thị Huyền	Trang	08/02/2005	KD11G	06	205	5,3	1	Trang Lê
23	000341	1101021057	Nguyễn Thủy	Trang	28/10/2005	KD11G	06	206	4,5	1	Thủy Lê
24	000342	1101021062	Lê Minh	Tuân	09/04/2005	KD11G	06	207	7,8	1	Tuân Lê
25	000343	1101020313	Đinh Lê Anh	Tuân	17/09/2005	KD11G	06	208	2,8	1	Tuân Lê
26	000344	1101020321	Hoàng Thị Thanh	Vân	15/10/2005	KD11G	06	209	5,8	1	Vân Lê
27	000345	1101020328	Phạm Thanh	Xuân	22/09/2005	KD11G	06	210	4,0	1	Xuân Lê
28	000346	1101020330	Đỗ Ngọc	Yên	01/10/2005	KD11G	06	211	6,0	1	Yên Lê
29	000347	1101020332	Đỗ Hải	Yên	23/08/2005	KD11G	06	212	5,8	1	Yên Lê
30	000348	0901020497	Đào Ngọc	Minh	24/11/2003	KD9M	06				Minh Lê
31	000349	1001060361	Phạm Thu	Hương	18/08/2004	KA10A	08	213	8,0	1	Hương Lê

Tổng số sinh viên dự thi: 30
TỔNG SỐ TỜ GIẤY THI: 30
TỔNG SỐ BIÊN BẢN: 30

Ngày thi: tháng 6 năm 2025
Cán bộ coi thi 1
Cán bộ coi thi 2

Bu - Tân
Phan Thủy Nga



29-58

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K11 THỊ HẾT HỌC PHẦN KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025

Học phần: Tài chính hành chính sự nghiệp

Phòng thí: 12

Giảng đường: B4 - CS2

Mã đề

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Chỉ ghi
1	000350	1101060914	Hoàng Thị Minh	Anh	04/04/2005	KA11A	08	29	8,8	1	Anh	chấm
2	000351	1101060336	Nguyễn Thị Phương	Anh	13/10/2005	KA11A	08	30	5,3	1	Anh	le
3	000352	1101060337	Hoàng Minh	Chau	27/10/2005	KA11A	08	31	5,8	1	Chau	chấm
4	000353	1101060048	Phạm Phương	Chi	09/11/2005	KA11A	08	32	4,0	1	Chi	le
5	000354	1101060338	Phạm Ngọc	Đại	09/03/2005	KA11A	08	33	9,3	1	Đại	chấm
6	000355	1101060339	Nguyễn Thị Hồng	Đào	20/11/2005	KA11A	08	34	5,5	1	Đào	le
7	000356	1101061075	Phùng Xuân Tân	Dung	15/02/2005	KA11A	08	35	6,0	1	Dung	chấm
8	000357	1101061077	Trần Khánh	Duy	10/07/2005	KA11A	08	36	6,0	1	Duy	le
9	000358	1101060345	Vũ Thị Thu	Hiên	06/06/2005	KA11A	08	37	9,3	1	Hiên	chấm
10	000359	1101060347	Nguyễn Hữu	Hoàng	21/06/2005	KA11A	08	38	3,5	1	Hoàng	le
11	000360	1001060362	Trịnh Thiên	Hương	01/09/2004	KA11A	08	39	7,3	1	Hương	chấm
12	000361	1101060350	Đỗ Thị	Lan	06/09/2005	KA11A	08	40	9,0	1	Lan	le
13	000362	1101060351	Quỳnh Hồng	Lúa	03/11/2005	KA11A	08	41	7,8	1	Lúa	chấm
14	000363	1101061079	Đỗ Tuấn	Mạnh	01/05/2005	KA11A	08	42	4,5	1	Mạnh	le
15	000364	1101061080	Ngô Bảo	Ngọc	04/11/2005	KA11A	08	43	4,5	1	Ngọc	chấm
16	000365	1101061081	Nguyễn Bùi Bảo	Ngọc	22/12/2005	KA11A	08	44	4,8	1	Ngọc	le
17	000366	1101060358	Chu Thanh	Thảo	24/01/2005	KA11A	08	45	7,8	1	Thảo	chấm
18	000367	1101060359	Nguyễn Thị	Thảo	13/08/2005	KA11A	08	46	8,0	1	Thảo	le
19	000368	1101060361	Bùi Thị Phương	Thủy	15/10/2005	KA11A	08	47	8,0	1	Thủy	chấm
20	000369	1101061043	Hoàng Thị Phương	Thủy	08/05/2005	KA11A	08	48	6,0	1	Thủy	le
21	000370	1101060363	Lê Thu	Trang	14/11/2005	KA11A	08	49	8,8	1	Trang	chấm
22	000371	1101061350	Tà Thị Minh	Trang	12/08/2005	KA11A	08	50	7,3	1	Trang	le
23	000372	1101060907	Lê Quang	Tu	09/04/2005	KA11A	08	51	6,0	1	Tu	chấm
24	000373	1101060367	Lê Nguyễn Anh	Tuân	12/02/2005	KA11A	08	52	6,5	1	Tuân	le
25	000374	0810210183	Nguyễn Thị Huệ	Anh	09/07/2002	KD10A	08	53	8,3	1	Anh	chấm
26	000375	1001020324	Lô Hà	Trung	27/12/2004	KD10C	08	54	5,5	1	Trung	le
27	000376	0810210819	Nguyễn Thị Như	Y	14/05/2002	KD8G	08	55	7,5	1	Y	chấm
28	000377	0901010076	Lương Hoàng	Anh	26/09/2003	KD9E	08					
29	000378	0901030568	Hoàng Hải	Ninh	24/09/2003	KD9E	08	56	4,5	1	Ninh	chấm
30	000379	1001030532	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	05/08/2004	QT10A	08	57	9,0	1	Duyên	le
31	000380	0901030547	Đinh Thu	Trà	17/12/2003	QT9C	08	58	9,8	1	Trà	chấm

Tổng số sinh viên dự thi: 30
Tổng số tờ giấy thi: 30
Tổng số biên bản: 0

Cán bộ coi thi 1

Ngày 27. tháng 6. Năm 2025

Cán bộ coi thi 2